

Số: *194*/2015/NQ-HĐND

*Nghệ An, ngày 10 tháng 7 năm 2015*

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về ban hành tiêu chí dự án trọng điểm và dự án trọng điểm nhóm C**  
**sử dụng nguồn vốn đầu tư công của tỉnh Nghệ An**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**  
**KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 4247/TTr-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Trên cơ sở Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến của các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định tiêu chí xác định dự án trọng điểm của tỉnh để làm căn cứ tập trung chỉ đạo, điều hành và tiêu chí xác định dự án trọng điểm nhóm C của tỉnh để làm căn cứ xác lập trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành chủ trương đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công.

Nghị quyết này chỉ điều chỉnh đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công, không điều chỉnh các dự án sử dụng nguồn vốn khác.

**2. Đối tượng áp dụng**

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động đầu tư công, quản lý và sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

**Điều 2. Tiêu chí xác định**

1. Dự án trọng điểm của tỉnh là dự án đầu tư độc lập hoặc cụm công trình liên kết chặt chẽ với nhau có tổng mức đầu tư theo từng ngành, lĩnh vực như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Tổng mức đầu tư
1	a) Giao thông, bao gồm cầu, cảng biển, cảng sông và sân bay, đường sắt, đường quốc lộ (khi được phân cấp ủy quyền); b) Công nghiệp điện; c) Xây dựng khu nhà ở;	$\geq 1.150$
2	a) Giao thông, trừ các dự án quy định tại điểm a Mục 1 trên đây; b) Thủy lợi; c) Cấp thoát nước và công trình hạ tầng kỹ thuật; d) Kỹ thuật điện; đ) Bưu chính, viễn thông	$\geq 750$
3	a) Sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản; b) Vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên; c) Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới;	$\geq 500$
4	a) Y tế, văn hóa, giáo dục; b) Nghiên cứu khoa học, tin học, phát thanh, truyền hình; c) Kho tàng; d) Du lịch, thể dục thể thao; đ) Xây dựng dân dụng, trừ xây dựng khu nhà ở quy định tại điểm c Mục 1 trên đây	$\geq 400$

2. Dự án trọng điểm nhóm C của tỉnh: là dự án nhóm C thuộc tiêu chí sau:

Dự án có tổng mức đầu tư theo các mức sau tùy thuộc vào nguồn vốn đầu tư công sử dụng bao gồm: nguồn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ (sau đây gọi tắt là vốn ngân sách Trung ương); Vốn cân đối ngân sách địa phương cấp tỉnh, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương cấp tỉnh và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư, vốn tín dụng đầu tư phát triển (sau đây gọi tắt là vốn ngân sách tỉnh); vốn cân

đổi ngân sách địa phương cấp huyện, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương cấp huyện (sau đây gọi tắt là vốn ngân sách cấp huyện); Vốn cân đối ngân sách địa phương cấp xã, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương cấp xã (sau đây gọi tắt là vốn ngân sách cấp xã) và ngành, lĩnh vực tương ứng, trường hợp dự án sử dụng nhiều nguồn vốn thì tính theo mức quy định của nguồn vốn thuộc cấp cao nhất, cụ thể như sau:

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

STT	Ngành, lĩnh vực	Tổng mức đầu tư				
		Dự án sử dụng vốn NS TW, NS tỉnh	Dự án sử dụng vốn NS cấp huyện		Dự án sử dụng vốn Ngân sách cấp xã	
			Các huyện, thành, thị (trừ 6 huyện núi cao)	6 huyện núi cao (Kỳ Sơn, Tương Dương, Con Cuông, Quế Phong, Quỳnh Châu và Quỳnh Hợp)	Các xã, phường, thị trấn (trừ các xã, phường, thị trấn của 6 huyện núi cao)	Các xã, phường, thị trấn của 6 huyện núi cao
1	a) Giao thông, bao gồm cầu, cảng biển, cảng sông và sân bay, đường sắt, đường quốc lộ (khi được phân cấp ủy quyền); b) Công nghiệp điện; c) Xây dựng khu nhà ở;	Từ 80 đến dưới 120	Từ 40 đến dưới 120	Từ 20 đến dưới 120	Từ 10 đến dưới 120	Từ 5 đến dưới 120
2	a) Giao thông, trừ các dự án quy định tại điểm a Mục 1 trên đây; b) Thủy lợi; c) Cấp thoát nước và công trình hạ tầng kỹ thuật; d) Kỹ thuật điện; đ) Bưu chính, viễn thông	Từ 50 đến dưới 80	Từ 25 đến dưới 80	Từ 12 đến dưới 80	Từ 10 đến dưới 80	Từ 5 đến dưới 80

3	a) Sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản; b) Vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên; c) Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới;	Từ 40 đến dưới 60	Từ 20 đến dưới 60	Từ 10 đến dưới 60	Từ 10 đến dưới 60	Từ 5 đến dưới 60
4	a) Y tế, văn hóa, giáo dục; b) Nghiên cứu khoa học, tin học, phát thanh, truyền hình; c) Kho tàng; d) Du lịch, thể dục thể thao; đ) Xây dựng dân dụng, trừ xây dựng khu nhà ở quy định tại điểm c Mục 1 trên đây	Từ 30 đến dưới 45	Từ 15 đến dưới 45	Từ 7 đến dưới 45	Từ 10 đến dưới 45	Từ 5 đến dưới 45

### Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Luật đầu tư công và các văn bản pháp luật liên quan tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh và Đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

### Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVI, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2015 và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày được thông qua. /.

#### Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Bộ KH&ĐT, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp (để b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh; UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh; Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website: <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Trần Hồng Châu**